BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
27-08-2026 12:43:28 +07:00

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**
*
Số 26-NQ/TW

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026*

# NGHỊ QUYẾT
## CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
## về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới

---

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao; có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn, thúc đẩy tiêu dùng, mở rộng thị trường dịch vụ, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, tài nguyên thiên nhiên, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, nâng cao vị thế và sức mạnh mềm quốc gia. Sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò của du lịch có chuyển biến tích cực; hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; thị trường du lịch ngày càng mở rộng; hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống sản phẩm, chất lượng nguồn nhân lực, công tác quảng bá, xúc tiến và chuyển đổi số trong du lịch có nhiều tiến bộ. Du lịch đóng góp ngày càng quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển nhiều ngành, lĩnh vực khác, giải quyết việc làm, tạo sinh kế cho người dân.

Tuy nhiên, du lịch phát triển chưa thực sự bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của đất nước. Nhận thức của một số cấp, ngành, địa phương về vị trí, vai trò, tính chất kinh tế tổng hợp, liên ngành, liên vùng của du lịch chưa đầy đủ; nguồn lực đầu tư chưa tương xứng; sản phẩm du lịch còn thiếu chiều sâu, sức sáng tạo, chưa tạo được nhiều giá trị gia tăng; năng lực quản trị điểm đến, mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chất lượng dịch vụ, năng lực doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành, khả năng liên kết vùng chưa đồng bộ, chặt chẽ. Các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, nguồn lực và tổ chức thực hiện chậm được tháo gỡ.

Trong bối cảnh du lịch toàn cầu có nhiều biến động, các quốc gia phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, đặt ra yêu cầu linh hoạt ứng phó, đồng thời với chiến lược tiếp cận toàn diện, bền vững. Nhằm khơi thông mọi nguồn lực, đưa du lịch phát triển đột phá, khẳng định vị thế ngành kinh tế mũi nhọn, đòi hỏi Việt Nam phải có những quyết sách chiến lược và đồng bộ; ngành du lịch và cộng đồng doanh nghiệp phải thực sự đổi mới tư duy, cách tiếp cận và cách làm để chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phương thức quản trị du lịch từ "số lượng"

sang "chất lượng", nâng cao giá trị gia tăng cho nền kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

## I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

**1.** Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là một động lực tăng trưởng mới của đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số"; lấy văn hoá làm nền tảng cốt lõi, bản sắc và chất lượng trải nghiệm làm lợi thế cạnh tranh; phát triển dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

**2.** Phát triển du lịch theo hệ sinh thái kinh tế tổng hợp, tạo động lực phát triển thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải, công nghiệp văn hoá, công nghiệp sáng tạo, nông nghiệp, kinh tế số, kinh tế đêm và các ngành, lĩnh vực khác, vừa cộng hưởng nâng cao giá trị gia tăng, vừa bảo đảm sự gắn kết, phát triển bền vững các trụ cột kinh tế - văn hoá - xã hội - môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng ngoại giao văn hoá, hội nhập quốc tế.

**3.** Tái cơ cấu ngành du lịch, chuyển mạnh mô hình phát triển từ số lượng sang chất lượng, thông minh, xanh, sáng tạo; tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả trải nghiệm, năng lực cạnh tranh của sản phẩm du lịch, dịch vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội.

**4.** Nâng cao năng lực quản trị du lịch theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ số, quản trị theo dữ liệu gắn với quy hoạch không gian phát triển, mở rộng không gian sáng tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**5.** Phát triển du lịch là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; doanh nghiệp là lực lượng tiên phong; Nhân dân là chủ thể tham gia và thụ hưởng; bảo đảm sự phối hợp liên ngành, liên vùng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả; môi trường đầu tư kinh doanh du lịch bình đẳng, thuận lợi; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho phát triển du lịch.

## II- MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Phát triển du lịch Việt Nam chất lượng cao, thông minh, xanh, sáng tạo, giàu bản sắc văn hoá, có giá trị gia tăng cao; có năng lực cạnh tranh khu vực và

quốc tế, có sức lan toả mạnh đối với các ngành, lĩnh vực khác, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững. Nâng cao tỉ lệ đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế; gắn phát triển du lịch với phát triển công nghiệp văn hoá, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người, nâng cao vị thế, uy tín và sức mạnh mềm quốc gia.

**2. Mục tiêu cụ thể**

*2.1. Đến năm 2030*

- Du lịch Việt Nam là ngành kinh tế mũi nhọn đóng góp trực tiếp từ 10 - 12% GDP, giữ vững vị thế nhóm đầu khu vực Đông Nam Á về quy mô và tốc độ tăng trưởng; phấn đấu đón 45 - 50 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 160 triệu lượt khách nội địa đặt trọng tâm vào thị trường khách chi tiêu cao, lưu trú dài ngày; tổng thu từ khách du lịch đạt 80 - 90 tỉ USD.

- Phát triển mạnh 3 cực tăng trưởng du lịch Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; 10 trung tâm du lịch trọng điểm; 20 khu du lịch quốc gia; 15 tập đoàn, tổng công ty du lịch có thương hiệu mạnh và sức cạnh tranh quốc tế; bảo đảm khoảng 1,5 triệu buồng lưu trú du lịch. Toàn ngành tạo ra khoảng 2,3 triệu việc làm trực tiếp và 3,5 triệu việc làm gián tiếp.

- Hình thành đồng bộ hệ sinh thái du lịch thông minh, cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia, nền tảng số du lịch quốc gia.

*2.2. Đến năm 2045*

Du lịch Việt Nam phát triển hiện đại, bền vững, khẳng định vai trò động lực của nền kinh tế, đóng góp trực tiếp từ 14 - 15% GDP; thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới; là điểm đến du lịch hấp dẫn, chất lượng cao, đẳng cấp và mang đậm bản sắc Việt Nam; phấn đấu đón 70 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

**III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong phát triển du lịch**

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về vị trí, vai trò của du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, là động lực quan trọng trong chuyển đổi, xây dựng mô hình tăng trưởng mới của đất nước dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm; phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong quảng bá du lịch, văn hoá và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia.

- Đổi mới tư duy phát triển du lịch từ diện rộng, dựa vào số lượng, khai thác tài nguyên đơn thuần sang chú trọng mô hình phát triển theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả, bền vững và giá trị gia tăng cao gắn với các sản phẩm giàu sáng tạo, trải nghiệm đặc sắc; đổi mới tư duy về quản trị du lịch theo hướng quản trị hệ sinh thái kinh tế dịch vụ tổng hợp, đồng bộ trong chuỗi giá trị.

- Xác định rõ trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền và người đứng đầu trong phát triển du lịch; lồng ghép mục tiêu du lịch vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội; gắn phát triển du lịch với phát triển văn hoá, bảo đảm môi trường, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực tạo tiền đề cho du lịch phát triển, đồng thời du lịch là động lực lan toả phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan. Tăng cường điều phối, kết nối vùng, liên vùng; phát huy các thiết chế văn hoá, thể thao, các giá trị thương hiệu quốc gia thành nguồn lực cho phát triển du lịch.

- Tuyên truyền, vận động, duy trì các phong trào, chương trình hành động nâng cao văn hoá du lịch; phát huy vai trò của doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện, an toàn, sạch đẹp.

**2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, tạo đột phá chiến lược, phát huy và khơi thông nguồn lực phát triển du lịch**

- Thể chế hoá đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển du lịch. Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách đột phá về mô hình du lịch mới như kinh tế chia sẻ, kinh doanh trên nền tảng số, kinh tế đêm, kinh tế ven sông, ven biển, tổ hợp du lịch - giải trí - văn hoá - thể thao; về hoàn thuế giá trị gia tăng tại các trung tâm thương mại, trung tâm du lịch lớn và các điểm mua sắm đủ điều kiện nhằm phát triển du lịch mua sắm, gia tăng chi tiêu của khách du lịch. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các nền tảng du lịch trực tuyến xuyên biên giới; khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển du lịch thông minh, du lịch xanh và các mô hình kinh doanh số.

- Có cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong quản lý, bảo tồn, phát triển, khai thác các điểm đến du lịch có giá trị sinh thái đặc biệt hoặc cần bảo tồn đặc biệt, cần đầu tư nguồn lực lớn; thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển hạ tầng du lịch, hạ tầng tiếp cận điểm đến, hạ tầng phi lợi nhuận và hạ tầng xã hội gắn với các dự án du lịch trọng điểm. Bổ sung du lịch vào danh mục

ngành, nghề ưu đãi đầu tư đối với các dự án động lực, có sức lan toả cao gắn với cực tăng trưởng, hành lang du lịch, khu du lịch quốc gia, vùng di sản, trung tâm du lịch chiến lược, dự án hạ tầng quy mô lớn, chuyển đổi xanh, kinh tế đêm, tổ hợp văn hoá - thể thao - du lịch - giải trí - mua sắm và địa bàn khó khăn có tiềm năng.

- Có chính sách hỗ trợ về đầu tư, đất đai, tài chính, thủ tục, thuế, phí, mặt bằng, kinh doanh đối với các dự án du lịch chất lượng cao gắn với chăm sóc sức khoẻ, hội nghị, hội thảo, triển lãm, sự kiện, thể thao, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, bảo tồn cảnh quan, trung tâm mua sắm và giải trí ban đêm tại các khu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch; chính sách tài chính phù hợp đối với phần diện tích đất cảnh quan, cây xanh, không gian công cộng không khai thác kinh doanh trực tiếp.

- Tiếp tục nghiên cứu chính sách thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh của khách du lịch; mở rộng miễn thị thực song phương, áp dụng chính sách thị thực linh hoạt đối với các thị trường trọng điểm trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia. Có chính sách thị thực ưu đãi đối với phân khúc khách có khả năng đóng góp cao cho phát triển du lịch; cải cách thủ tục lưu trú, tham quan tại khu vực biên giới, hải đảo; quy định bảo hiểm bắt buộc đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

- Nghiên cứu cơ chế chuyển hoá giá trị tài nguyên du lịch thành nguồn lực phát triển thông qua các công cụ, phương thức huy động vốn phù hợp trên thị trường vốn. Bổ sung nguồn lực ngân sách nhà nước cho ngành du lịch phù hợp với yêu cầu phát triển. Phát huy Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, bảo đảm vận hành linh hoạt, hiệu quả; sử dụng hiệu quả các quỹ đầu tư, quỹ bảo lãnh tín dụng và các công cụ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp du lịch nhỏ và vừa; áp dụng cơ chế tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho doanh nghiệp thực hiện dự án du lịch xanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế bảo hiểm rủi ro ngành du lịch có hỗ trợ của Nhà nước để ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và biến động lớn.

- Nghiên cứu cơ chế thí điểm có kiểm soát để thu hút khách lưu trú dài ngày, người làm việc từ xa và nguồn vốn quốc tế vào lĩnh vực du lịch, nghỉ dưỡng; bảo đảm phù hợp với pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia; về chính sách đặc thù đối với các khu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch có quy mô lớn, khả năng cạnh tranh quốc tế. Thực hiện thí điểm đối với những vấn đề cấp bách cần triển khai ngay để tạo đột phá cho du lịch phát triển trong trường hợp chưa có văn bản pháp luật quy định hoặc cần áp dụng khác với quy định hiện hành, kèm theo cơ chế kiểm soát, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm.

**3. Phát triển hạ tầng đồng bộ, hình thành các trung tâm du lịch có sức cạnh tranh cao**

- Phát triển hệ thống hạ tầng kết nối đa phương tiện từ các cửa ngõ quốc tế đến các vùng động lực, các trung tâm du lịch và khu du lịch quốc gia; nâng cấp cao tốc, đường ven biển, hành lang du lịch liên vùng; cảng hàng không, cảng tàu du lịch, bến du thuyền, tuyến du lịch đường thuỷ, đường sắt du lịch, nhà ga có hệ sinh thái dịch vụ đồng bộ; trung tâm hội nghị - triển lãm, thiết chế văn hoá và hạ tầng số, trong đó chú trọng bảo đảm đồng bộ hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại điểm đến, hạ tầng phục vụ lễ hội, sự kiện. Ưu tiên hạ tầng dịch vụ đường biển có khả năng tiếp nhận tàu du lịch cỡ lớn, đưa Việt Nam trở thành điểm đến quan trọng trong hành trình du lịch tàu biển khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Dành quỹ đất và thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các doanh nghiệp có năng lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản trị tham gia phát triển các dự án động lực, khu phức hợp du lịch - văn hoá - thể thao - giải trí - mua sắm, khu nghỉ dưỡng chăm sóc sức khoẻ, cơ sở lưu trú du lịch chất lượng cao, quy mô lớn; khuyến khích phát triển ngoài khu vực đô thị theo hướng xanh, bền vững, hài hoà với cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên, bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích của cộng đồng.

- Phát triển các trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo chất lượng cao, có sức cạnh tranh quốc tế; các trung tâm du lịch đa dịch vụ du lịch - mua sắm - ẩm thực - giải trí đặc sắc, có sức hấp dẫn cao, hoạt động cả ngày và đêm (tổ hợp biểu diễn nghệ thuật, trung tâm hoà nhạc, phố lễ hội, khu giải trí tích hợp quy mô lớn); phát triển mạnh các mô hình hoà nhạc, biểu diễn nghệ thuật, giải trí cao cấp và đô thị lễ hội.

- Hình thành các trung tâm, phát triển thị trường mua sắm hàng hiệu có ưu đãi về giá (outlet) chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế tại các trung tâm du lịch lớn, khu du lịch quốc gia, cửa khẩu quốc tế, cảng hàng không, cảng biển và các điểm mua sắm đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện, phát huy các cơ chế, chính sách đặc thù theo Luật Phát triển đô thị và pháp luật liên quan để thúc đẩy Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng thành các cực tăng trưởng mạnh cùng các đô thị di sản trở thành các trung tâm du lịch trọng điểm, đóng vai trò đầu tàu dẫn dắt phát triển du lịch vùng. Phát triển Phú Quốc từng bước thành một cực tăng trưởng mới, trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, cạnh tranh quốc tế, thu hút các sự kiện quốc tế lớn.

**4. Phát triển thị trường, sản phẩm du lịch chất lượng cao, nâng cao hiệu quả kinh tế du lịch**

- Đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường, phân tích, dự báo xu hướng tiêu dùng và nhu cầu du lịch để phát triển sản phẩm, dịch vụ phù hợp với các thị trường trọng điểm và tiềm năng, tập trung thu hút khách du lịch có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Tập trung phát triển, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch chủ lực gắn với hình thành hệ thống hạ tầng dịch vụ đạt chuẩn trong nước và quốc tế, nâng tầm trải nghiệm.

- Xác định rõ lợi thế khác biệt của du lịch Việt Nam về văn hoá, di sản, cảnh quan thiên nhiên và ẩm thực gắn với các thị trường trọng điểm và sản phẩm chủ lực; lấy chất lượng, bản sắc và trải nghiệm khác biệt làm phương thức cạnh tranh chủ đạo.

- Phát triển hệ sinh thái dịch vụ du lịch đồng bộ, hiện đại gắn với hạ tầng giao thông kết nối và các trung tâm di sản, điểm đến du lịch, các tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, quy mô lớn tiếp cận thị trường quốc tế, phát triển logistics, mua sắm miễn thuế, ẩm thực, giải trí, biểu diễn nghệ thuật, kinh tế đêm và các dịch vụ cao cấp.

- Tăng cường liên kết chuỗi giá trị giữa lữ hành, vận chuyển, lưu trú, dịch vụ và sản phẩm địa phương để gia tăng giá trị nội địa, nâng cao hiệu quả kinh tế tổng hợp và giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, kênh phân phối toàn cầu và xuất khẩu tại chỗ.

- Tập trung phát triển nhóm sản phẩm du lịch văn hoá gắn với các lĩnh vực công nghiệp văn hoá như điện ảnh, âm nhạc, giải trí, thời trang, công nghệ số, sáng tạo, kinh tế di sản, kinh tế đêm; hình thành sản phẩm biểu tượng quốc gia, tổ hợp dịch vụ quy mô lớn, chuỗi giá trị văn hoá - du lịch có sức cạnh tranh quốc tế. Khuyến khích ứng dụng công nghệ hiện đại trong di tích, bảo tàng và hoạt động biểu diễn thực cảnh để tạo sản phẩm độc đáo, hiện đại, có sức thu hút cao.

- Phát triển nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp gắn với biển, đảo; hệ sinh thái núi, rừng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; du lịch đường thuỷ, du thuyền chất lượng cao, du lịch trải nghiệm đường sắt cao cấp.

- Nâng cao chất lượng nhóm sản phẩm du lịch y tế, chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao, phát huy lợi thế y dược cổ truyền, nha khoa, spa và thẩm mỹ, hình thành các trung tâm du lịch y tế, nghỉ dưỡng và phục hồi sức khoẻ đạt chuẩn quốc tế; phát triển các sản phẩm du lịch thể thao có lợi thế cạnh tranh như

golf, marathon, thể thao biển, thể thao mạo hiểm, leo núi, dù lượn, thể thao điện tử gắn với các sự kiện thể thao khu vực và quốc tế.

- Tăng cường nhóm sản phẩm du lịch hội nghị, sự kiện, lễ hội (MICE). Phát triển du lịch mua sắm gắn với hàng Việt Nam chất lượng cao, hàng hoá được công nhận theo chương trình "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP); các cửa hàng mua sắm hàng hiệu có ưu đãi về giá (outlet), trung tâm thương mại, cửa hàng miễn thuế, chợ đêm. Phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hoá ẩm thực đặc sắc, đa dạng vùng miền; hình thành hệ thống nhà hàng Việt Nam đạt chuẩn trong nước và quốc tế, nâng tầm và khẳng định thương hiệu ẩm thực Việt Nam trên bản đồ ẩm thực thế giới.

- Mở rộng phạm vi nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với sinh thái nông nghiệp, nông thôn, làng nghề, chợ phiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trải nghiệm văn hoá bản địa. Mỗi địa phương có một sản phẩm du lịch đặc thù, phát triển các làng du lịch tiêu biểu trở thành điểm đến hấp dẫn.

**5. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, nâng tầm thương hiệu du lịch Việt Nam**

- Xây dựng chương trình xúc tiến du lịch quốc gia bảo đảm thông điệp thống nhất, chuyên nghiệp, gắn quảng bá du lịch với quảng bá hình ảnh quốc gia, môi trường đầu tư, thương mại, bản sắc văn hoá, di sản, con người... Định vị Việt Nam là điểm đến chất lượng cao, an toàn, hấp dẫn. Nhà nước điều phối thống nhất chiến dịch quảng bá xúc tiến điểm đến quốc gia và đồng hành với các doanh nghiệp lớn trong các chiến dịch quảng bá xúc tiến du lịch quốc tế. Duy trì hiện diện thường xuyên của thương hiệu du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm, tập trung vào các thị trường có khả năng chi trả cao.

- Xây dựng chiến lược hợp tác của ngành du lịch Việt Nam với các đối tác, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực. Xây dựng chương trình và mạng lưới đại sứ du lịch số tại các thị trường mục tiêu trọng điểm, lựa chọn đại sứ là người có ảnh hưởng, nhà sáng tạo nội dung số, chuyên gia văn hoá du lịch bản địa, quảng bá bằng ngôn ngữ của từng thị trường.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu nội dung gốc du lịch quốc gia Việt Nam đa ngôn ngữ, sáng tạo nội dung các kênh quảng bá, xúc tiến du lịch nhằm tạo nguồn tư liệu chính thống, đồng bộ, cung cấp hình ảnh, video, dữ liệu thị trường, thông tin điểm đến, thông tin sự kiện quốc gia cho báo chí, truyền thông trong nước và quốc tế. Ứng dụng nền tảng số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong toàn bộ các khâu quảng bá xúc tiến du lịch và quản trị danh tiếng điểm đến. Thực hiện cơ chế chia sẻ có chọn lọc dữ liệu truyền thông du lịch trên nền tảng số

quốc gia cho các cơ quan báo chí, truyền thông và các đối tác quảng bá chiến lược; có cơ chế giám sát và phản hồi thông tin trên mạng xã hội quốc tế để bảo vệ và quảng bá điểm đến Việt Nam uy tín, củng cố niềm tin của du khách.

- Có cơ chế hỗ trợ xúc tiến mở đường bay mới, phát triển điểm đến mới và sản phẩm mới. Hỗ trợ các đoàn làm phim quốc tế chọn Việt Nam làm bối cảnh; có chính sách thu hút các kênh truyền thông quốc tế sản xuất chương trình và phát sóng về điểm đến Việt Nam.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch. Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam, trung tâm văn hoá Việt Nam ở nước ngoài và đại sứ du lịch trong quảng bá, xúc tiến du lịch. Tận dụng các chương trình, sự kiện đối ngoại, ngày văn hoá, tuần lễ văn hoá Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá xúc tiến du lịch. Căn cứ điều kiện cụ thể nghiên cứu thiết lập và vận hành hiệu quả mạng lưới văn phòng xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm, tiềm năng theo mô hình phù hợp.

- Xây dựng và triển khai chương trình quảng bá, khuyến khích người Việt Nam đi du lịch trong nước. Tổ chức đăng cai các sự kiện quốc tế lớn để thu hút khách quốc tế đến Việt Nam.

**6. Phát triển nguồn nhân lực, doanh nghiệp và cộng đồng du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển mới**

- Phát triển các tập đoàn, tổng công ty du lịch có thương hiệu mạnh, năng lực quản trị hiện đại, sức cạnh tranh quốc tế, giữ vai trò dẫn dắt trong lữ hành quốc tế, quản lý điểm đến, nền tảng du lịch nội địa, nền tảng lữ hành tích hợp, du lịch cao cấp và kinh tế đêm. Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và hệ thống phân phối toàn cầu; kiến tạo chuẩn hoá môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm các điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, cộng đồng dân cư hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và địa phương để xây dựng sản phẩm, tuyến du lịch chất lượng cao, tổ chức các chương trình xúc tiến liên kết và mở rộng thị trường; thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng, liên kết xuyên biên giới trong phát triển sản phẩm, hạ tầng, xúc tiến, đào tạo và chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng đội ngũ nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu cả về số lượng, chất lượng, vững về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, theo kịp sự phát triển công nghệ và chủ động, tự tin trong hội nhập quốc tế. Hỗ trợ, đào tạo kỹ năng cho lao động nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số, lao động ở vùng sâu, vùng xa,

vùng biên giới, hải đảo để người dân có sinh kế bền vững từ du lịch, nhất là du lịch cộng đồng, nâng cao thu nhập của lao động du lịch và lao động các ngành, lĩnh vực liên quan.

- Hoàn thiện, đầu tư đồng bộ và quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo nghề du lịch hiện đại đáp ứng yêu cầu của thị trường. Khuyến khích hợp tác công tư, doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao. Bảo đảm đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo, gắn với nhu cầu thực tiễn và đo lường hiệu quả, kết quả đào tạo.

- Xây dựng cơ chế liên kết đào tạo trực tiếp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp du lịch theo giáo trình, tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc tế; có chính sách đãi ngộ đột phá để thu hút chuyên gia, nhân sự chất lượng cao đến làm việc tại các trung tâm, địa bàn trọng điểm du lịch. Thành lập và vận hành hiệu quả Hội đồng kỹ năng nghề du lịch quốc gia gồm đại diện của khu vực nhà nước và khối tư nhân, trong đó có cơ quan nghiên cứu và các bên liên quan trong ngành du lịch để bảo đảm chất lượng lao động nghề du lịch. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề nghiệp hiện đại.

**7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển du lịch thông minh**

- Hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, đồng bộ, thống nhất, kết nối dữ liệu, nền tảng, dịch vụ và các chủ thể tham gia chuỗi giá trị du lịch. Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia theo hướng kết nối, chia sẻ dữ liệu về hệ thống quản trị du lịch, quản lý tài nguyên du lịch, hạ tầng phục vụ du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thị trường, sản phẩm, dịch vụ, điểm đến du lịch, lao động du lịch giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp. Từng bước tích hợp vào nền tảng dữ liệu quốc gia dùng chung để giải quyết các vấn đề phối hợp liên ngành. Có cơ chế bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu du lịch quốc gia, bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách du lịch theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong phát triển các sản phẩm du lịch gắn với công nghiệp văn hoá, kinh tế di sản, kinh tế đêm, các sản phẩm sáng tạo giá trị gia tăng cao, nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo du lịch, tạo động lực tăng trưởng mới.

- Xây dựng và phát triển các mô hình số hoá, hỗ trợ tối ưu hoá vận hành và nâng cao trải nghiệm du khách tại các khu/điểm du lịch, trong đó ưu tiên các

khu du lịch quốc gia, di sản thế giới, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia và các điểm đến có lượng khách lớn. Số hoá và tự động hoá khi thực hiện các thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu; ứng dụng bản đồ số du lịch, vé điện tử, trợ lý du lịch ảo đa ngôn ngữ, bảo tàng số, thuyết minh đa phương tiện, hệ thống cảnh báo và hỗ trợ du khách... Áp dụng các chỉ số đánh giá điểm đến du lịch thông minh.

- Phát triển nền tảng số du lịch quốc gia tích hợp đa dịch vụ, đa tiện ích hỗ trợ trải nghiệm liền mạch cho khách du lịch trong toàn bộ hành trình; thu hút sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ trong chuỗi giá trị du lịch.

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ như Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo để quản lý năng lượng, hệ thống tiết kiệm điện, nước thông minh tại các cơ sở lưu trú và xây dựng hệ thống cảm biến giám sát chất lượng không khí, nguồn nước và cảnh báo sớm về sức tải môi trường, giảm phát thải, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh trong du lịch.

**8. Đổi mới phương thức quản trị du lịch, nâng cao chất lượng điểm đến du lịch xanh, thông minh, an toàn, bền vững**

- Nâng cao năng lực quản trị du lịch hiện đại, bền vững thông qua cơ chế điều phối và liên kết đa ngành; nâng cao vai trò điều phối của cơ quan quản lý bảo đảm phát triển gắn với quy hoạch, không gian kinh tế, phát triển đô thị, bảo tồn văn hoá, bảo vệ môi trường; kết nối doanh nghiệp, hình thành chuỗi giá trị du lịch đồng bộ, hiệu quả.

- Chuyển đổi căn bản phương thức quản lý ngành du lịch từ hành chính truyền thống sang quản trị đồng bộ và thông minh, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn được quốc tế thừa nhận. Quản trị hệ thống du lịch dựa trên đánh giá năng lực phát triển điểm đến du lịch gắn với các tiêu chí về khách du lịch, tổng thu, mức chi tiêu, thời gian lưu trú, chất lượng điểm đến, an toàn, môi trường, chuyển đổi số và mức độ hài lòng của du khách.

- Xây dựng, vận hành hệ thống điều hành du lịch thông minh quốc gia, các trung tâm điều hành du lịch thông minh và ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu phục vụ dự báo, hoạch định chính sách, xúc tiến quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch, quản trị điểm đến về sức chứa, phân luồng khách, bảo đảm an ninh, an toàn, văn minh, thân thiện.

- Thúc đẩy thương mại điện tử trong du lịch, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, xuyên biên giới. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong

chuyển đổi số, công khai, minh bạch giá dịch vụ, sản phẩm du lịch; chuẩn hoá hình thức công khai giá trên nền tảng số dùng chung của ngành, kết nối với cơ quan quản lý để giám sát theo thời gian thực. Kiểm soát chất lượng dịch vụ, hàng hoá, an toàn thực phẩm bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn, bộ chỉ số đánh giá và chế tài đủ mạnh; tổ chức đánh giá, xếp hạng tín nhiệm điểm đến và mức độ hài lòng của du khách.

- Phát triển hệ thống điểm đến, sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh qua việc áp dụng bộ tiêu chí chứng nhận uy tín, khuyến khích cung ứng và tiêu dùng bền vững. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải, rác thải rắn và giảm thiểu rác thải nhựa; đồng thời, đẩy mạnh bảo tồn di sản, bảo vệ cảnh quan, phát triển tín chỉ carbon xanh dương tại các khu du lịch quốc gia, vùng di sản, ven biển, hải đảo và khu vực nguy cơ quá tải. Phát triển giao thông xanh sử dụng năng lượng sạch tại các đô thị, đảo du lịch, khu, điểm du lịch phù hợp với điều kiện thực tế, kết hợp ứng dụng công nghệ quản lý năng lượng thông minh, vật liệu thân thiện môi trường và mô hình kinh tế tuần hoàn trong toàn ngành.

- Tăng cường phối hợp liên ngành và địa phương trong bảo đảm an ninh, an toàn, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý hoạt động tại biên giới, hải đảo, vùng di sản và các sự kiện đông người. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và kế hoạch ứng phó khủng hoảng du lịch đối với thiên tai, dịch bệnh, sự cố an toàn và biến động lớn; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin nhanh giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý và chính quyền địa phương. Nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của ngành du lịch trước những biến động lớn của khu vực và thế giới.

## IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1.** Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá kịp thời các chủ trương của Nghị quyết; chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật liên quan đến phát triển du lịch và các lĩnh vực có liên quan; tăng cường giám sát việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**2.** Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. (2) Phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Nghị quyết với các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi, hiệu quả. (3) Kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch để thực hiện chức năng điều phối liên ngành, liên vùng, theo dõi, tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo

ứng phó, phục hồi khi xảy ra khủng hoảng, rủi ro. (4) Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia, bộ chỉ số đánh giá chất lượng, hiệu quả, tính bền vững của du lịch.

**3.** Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết trong toàn hệ thống chính trị.

**4.** Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, cộng đồng và người lao động trong phát triển du lịch.

**5.** Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; bảo đảm đầy đủ nguồn lực cho phát triển du lịch, tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

**6.** Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Bộ Chính trị theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ**
TỔNG BÍ THƯ




**Tô Lâm**

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các ban đảng Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

